

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-48
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	05-08
Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ	09-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	16-48

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest được thành lập và hoạt động theo Giấy phép kinh doanh số 0103015027 ngày 22 tháng 12 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 48/GP-UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh bổ sung, Giấy phép điều chỉnh bổ sung mới nhất số 97/GPĐC-UBCK cấp ngày 29 tháng 10 năm 2021.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hải Châu	Chủ tịch
Ông Vũ Mạnh Tiến	Thành viên
Bà Đỗ Thị Hồng Hải	Thành viên
Bà Vũ Hải Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Chung	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thành Chung	Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Bà Đỗ Thị Hồng Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hải Châu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ngô Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2022



Số: 120822.010/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest được lập ngày 20 tháng 07 năm 2022, từ trang 05 đến trang 48, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF THE GLOBAL ADVISORY AND ACCOUNTING NETWORK

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.668.002.367.296	3.176.451.372.364
110	I. Tài sản tài chính		2.660.729.354.601	3.164.926.779.992
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	352.574.439.989	205.112.252.808
111.1	1.1 Tiền		352.574.439.989	205.112.252.808
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	1.035.480.100.315	1.118.210.620.900
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	105.000.000.000	-
114	4. Các khoản cho vay	5	997.043.145.462	1.762.153.805.152
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	30.310.000.000	-
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(7.381.774.922)	(3.620.505.372)
117	7. Các khoản phải thu	7	121.980.678.314	27.804.189.589
117.1	7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		114.959.015.198	27.370.000.000
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		7.021.663.116	434.189.589
117.3	7.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		7.021.663.116	434.189.589
118	8. Trả trước cho người bán		17.613.319.185	8.635.376.915
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	804.084.358	33.355.040.000
122	10. Các khoản phải thu khác	7	7.329.361.900	13.300.000.000
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(24.000.000)	(24.000.000)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		7.273.012.695	11.524.592.372
131	1. Tạm ứng		219.147.546	68.000.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	7.017.865.149	11.423.592.372
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10	36.000.000	33.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		52.156.746.685	34.270.192.198
220	II. Tài sản cố định		23.468.506.210	13.327.233.640
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	10.744.247.402	9.848.557.562
222	- Nguyên giá		29.032.065.959	28.617.028.908
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.287.818.557)	(18.768.471.346)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	12.724.258.808	3.478.676.078
228	- Nguyên giá		23.979.948.497	14.073.718.497
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.255.689.689)	(10.595.042.419)
250	V. Tài sản dài hạn khác		28.688.240.475	20.942.958.558
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	10	1.344.077.308	1.220.819.108
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	9	7.344.163.167	1.917.786.941
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	20.000.000.000	17.804.352.509
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.720.159.113.981	3.210.721.564.562

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		731.587.880.553	1.343.015.040.572
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		688.316.922.464	1.292.800.836.974
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	229.959.101.017	120.000.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn		229.959.101.017	120.000.000.000
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	15	353.048.932.681	909.122.181.582
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	1.290.725.854	3.732.573.087
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	17	30.235.548.452	65.930.266.291
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		709.050.198	162.850.000
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	11.749.086.300	24.387.431.501
323	7. Phải trả người lao động		703.054.928	1.000.000
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		265.504.880	193.114.980
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	33.803.614.608	49.890.443.104
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	6.351.513.547	118.427.275.035
331	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		20.200.789.999	953.701.394
340	II. Nợ phải trả dài hạn		43.270.958.089	50.214.203.598
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	39.2	43.270.958.089	50.214.203.598
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.988.571.233.428	1.867.706.523.990
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.988.571.233.428	1.867.706.523.990
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.270.004.000.000	1.270.004.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		1.030.004.000.000	1.030.004.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.030.004.000.000	1.030.004.000.000
411.2	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		240.000.000.000	240.000.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		27.107.220.603	6.000.000.000
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		27.107.220.603	6.000.000.000
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		664.352.792.222	585.702.523.990
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		493.213.759.669	386.790.509.401
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		171.139.032.553	198.912.014.589
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.720.159.113.981	3.210.721.564.562

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành		103.000.400	103.000.400
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	22	301.985.870.000	242.836.320.000
009	3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	23	1.530.000	1.530.000
010	4. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	24	500.000.000	-
012	5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	25	186.130.270.000	131.400.020.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	26	6.965.566.860.000	6.845.956.215.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		5.296.637.310.000	5.678.166.795.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		1.151.732.030.000	667.281.580.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		467.471.630.000	320.665.450.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		1.529.890.000	530.890.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		48.196.000.000	179.311.500.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	27	18.152.520.000	18.152.520.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		18.002.520.000	18.002.520.000
022.4	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		150.000.000	150.000.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	28	85.694.010.000	146.775.480.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
026	4. Tiền gửi của khách hàng	29	313.181.165.614	502.472.756.607
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		175.868.953.454	224.750.899.807
029	4.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		137.303.799.500	225.289.162.200
029.1	a. <i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước</i>		137.303.799.500	225.289.162.200
030	4.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		8.412.660	52.432.694.600
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30	313.172.752.954	450.040.062.007
031.1	5.1 <i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>		313.134.356.663	448.848.101.311
031.2	5.2 <i>Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>		38.396.291	1.191.960.696
032	6. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		-	52.340.000.000
035	7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	31	8.412.660	92.694.600

Bui Thi Yen

Nguyen Thi Bich Hang



Bùi Thị Yến
Người lập

Nguyễn Thị Bích Hằng
Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm	
			2022	2021	
			VND	VND	
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	331.617.109.935	197.241.620.315	
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	33.a)	157.290.233.111	33.300.003.348
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	33.b)	150.260.641.226	157.129.488.110
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	33.c)	24.066.235.598	6.812.128.857
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	33.c)	1.624.657.535	-
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	33.c)	83.876.947.740	38.305.300.575
06	1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		51.226.270.878	50.065.103.601
07	1.5	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		168.059.060.000	73.004.096.818
09	1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		1.330.637.661	950.386.120
10	1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		3.608.863.637	6.088.181.818
11	1.8	Thu nhập hoạt động khác	33.d)	9.111.897.623	12.143.394.429
20	Cộng doanh thu hoạt động		650.455.445.009	377.798.083.676	
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	225.541.555.425	26.279.839.595	
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	33.a)	40.564.686.654	6.014.626.955
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	33.b)	184.976.868.771	20.265.212.640
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	3.761.269.550	(2.303.750.411)	
26	2.3	Chi phí hoạt động tự doanh	2.903.700.996	1.685.524.237	
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	51.514.475.855	42.066.611.250	
28	2.5	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	123.113.835.027	58.844.396.223	
30	2.6	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.332.521.426	939.633.114	
31	2.7	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.193.187.698	1.577.549.166	
32	2.8	Chi phí các dịch vụ khác	34	7.488.439.825	2.533.876.299
40	Cộng chi phí hoạt động		416.848.985.802	131.623.679.473	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ*06 tháng đầu năm 2022*


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
			VND	VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	35		
42	3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		1.825.704.416	1.585.500.394
44	3.2 Doanh thu khác về đầu tư		3.469.524.899	-
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		5.295.229.315	1.585.500.394
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	36		
52	4.1 Chi phí lãi vay		35.695.833.932	14.932.225.761
60	Cộng chi phí tài chính		35.695.833.932	14.932.225.761
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	37	26.236.414.459	11.556.978.323
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		176.969.440.131	221.270.700.513
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác	38	246.227.273	-
72	8.2 Chi phí khác		3.155.106	-
80	Cộng kết quả hoạt động khác		243.072.167	-
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		177.212.512.298	221.270.700.513
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		211.928.739.843	84.406.425.043
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(34.716.227.545)	136.864.275.470
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	39	35.240.582.257	43.151.654.660
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	39.1	42.183.827.766	15.778.799.566
100.2	10.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	39.3	(6.943.245.509)	27.372.855.094
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		141.971.930.041	178.119.045.853

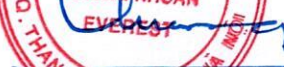

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022 VND	2021 VND
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	41	1.378	2.969


 Bùi Thị Yến
 Người lập


 Nguyễn Thị Bích Hằng
 Kế toán trưởng



 Ngô Thị Thu Hương
 Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		177.212.512.298	221.270.700.513
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		39.031.481.823	11.809.178.059
03	- Khấu hao tài sản cố định		1.629.173.666	742.203.103
04	- Các khoản dự phòng		3.761.269.550	(2.279.750.411)
06	- Chi phí lãi vay		35.695.833.932	14.932.225.761
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.054.795.325)	(1.585.500.394)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		184.976.868.771	20.265.212.640
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		184.976.868.771	20.265.212.640
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(150.260.641.226)	(157.129.488.110)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(150.260.641.226)	(157.129.488.110)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		349.225.248.407	(890.733.818.246)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		48.014.293.040	(307.047.278.060)
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		(105.000.000.000)	-
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		765.110.659.690	(553.139.721.889)
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		(30.310.000.000)	-
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(87.589.015.198)	(50.312.520.000)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(6.587.473.527)	(2.640.000.000)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		33.116.005.840	606.000.000
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		5.970.638.100	-
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(2.346.795.037)	(2.506.400.000)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		6.054.554.461	4.193.321.533
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(1.020.649.003)	(11.295.487.036)
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(50.442.281.488)	(3.872.796.497)
44	- Lãi vay đã trả		(57.837.216.889)	(3.918.604.570)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(47.095.927.109)	40.810.530.286
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân		72.389.900	73.768.000
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(4.379.891.479)	1.579.619.207
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		702.054.928	105.749.038
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(115.219.707.622)	(2.351.057.158)
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.986.390.200)	(1.018.941.100)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		600.185.470.073	(794.518.215.144)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
 Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

*06 tháng đầu năm 2022
 (Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(9.347.179.234)	(6.113.182.000)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		229.090.909	
65	3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.825.704.416	1.585.500.394
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.292.383.909)	(4.527.681.606)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	1. Tiền vay gốc		751.884.827.992	804.580.000.000
73.2	1.1 Tiền vay khác		751.884.827.992	804.580.000.000
74	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.197.315.726.975)	(91.173.164.176)
74.2	2.1 Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính		(1.197.315.726.975)	(91.173.164.176)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(445.430.898.983)	713.406.835.824
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		147.462.187.181	(85.639.060.926)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		205.112.252.808	124.647.915.295
101.1	- Tiền		205.112.252.808	124.647.915.295
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	352.574.439.989	39.008.854.369
103.1	- Tiền		352.574.439.989	39.008.854.369

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA
KHÁCH HÀNG**

06 tháng đầu năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		24.225.962.586.450	21.038.515.637.000
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(21.485.461.204.847)	(21.541.991.384.300)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		28.139.967.062.308	28.883.062.346.783
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(31.017.335.752.964)	(28.494.530.460.220)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		858.301.290.053	20.452.267.310
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(910.725.571.993)	(20.105.021.410)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		(189.291.590.993)	(114.596.614.837)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		502.472.756.607	488.101.946.340
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		502.472.756.607	488.101.946.340
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		224.750.899.807	372.217.787.440
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		225.289.162.200	115.750.120.900
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		52.432.694.600	134.038.000
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	29	313.181.165.614	373.505.331.503
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		313.181.165.614	373.505.331.503
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		175.868.953.454	117.011.383.603
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		137.303.799.500	256.012.664.000
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		8.412.660	481.283.900

Bùi Thị Yến
Người lập

Nguyễn Thị Bích Hằng
Kế toán trưởng



Ngô Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2022

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		01/01/2021		06 tháng đầu năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		30/06/2021	
		VND	VND	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		600.004.000.000	1.270.004.000.000	-	-	-	-	600.004.000.000	1.270.004.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		600.004.000.000	1.030.004.000.000	-	-	-	-	600.004.000.000	1.030.004.000.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		-	240.000.000.000	-	-	-	-	-	240.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	21.107.220.603	-	6.000.000.000	27.107.220.603
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	21.107.220.603	-	6.000.000.000	27.107.220.603
4. Lợi nhuận chưa phân phối		166.058.111.921	585.702.523.990	178.119.045.853	2.500.000.000	141.971.930.041	63.321.661.809	341.677.157.774	664.352.792.222
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		117.805.286.634	386.790.509.401	68.627.625.477	2.500.000.000	169.744.912.077	63.321.661.809	183.932.912.111	493.213.759.669
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		48.252.825.287	198.912.014.589	109.491.420.376	-	(27.772.982.036)	-	157.744.245.663	171.139.032.553
TỔNG CỘNG		778.062.111.921	1.867.706.523.990	178.119.045.853	2.500.000.000	184.186.371.247	63.321.661.809	953.681.157.774	1.988.571.233.428



Handwritten signature

Handwritten signature

Bùi Thị Yến
Người lập

Nguyễn Thị Bích Hằng
Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*06 tháng đầu năm 2022***1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest được thành lập và hoạt động theo Giấy phép kinh doanh số 0103015027 ngày 22 tháng 12 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 48/GP-UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh bổ sung, Giấy phép điều chỉnh bổ sung mới nhất số 97/GPĐC-UBCK cấp ngày 29 tháng 10 năm 2021.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 1.030.004.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 1.030.004.000.000 đồng; tương đương 103.000.400 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 179 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 152 người).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 26 tháng 06 năm 2019 với mã giao dịch là EVS.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>
Văn phòng Công ty	Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Sài Gòn	Lầu 4, Tòa nhà Central Park, Số 117 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Bà Triệu	Tầng 1, Tòa nhà Minexport, số 28C, D Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Ứng trước tiền bán chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính*a) Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (OTC) tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

2.5 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.6 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Các tài sản khác	02 - 08 năm
- Phần mềm giao dịch	02 - 08 năm

2.8 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

2.15 . Doanh thu, thu nhập*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.16 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.17 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính*Doanh thu tài chính bao gồm*

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chi phí lãi vay.

2.18 . Các khoản thuế**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN kỳ kế toán hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ VND
Của Công ty Chứng khoán	224.413.040	17.095.247.503.936
- Cổ phiếu	56.609.548	1.473.859.301.499
- Trái phiếu	103.174.950	13.872.549.654.663
- Chứng khoán khác	64.628.542	1.748.838.547.774
Của nhà đầu tư	894.200.643	26.209.500.519.400
- Cổ phiếu	893.757.043	26.209.065.151.400
- Trái phiếu	443.600	435.368.000
	1.118.613.683	43.304.748.023.336

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt tại quỹ	276.591.568	44.550.023
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	352.297.848.421	205.067.702.785
	352.574.439.989	205.112.252.808

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết (*)	624.889.637.603	841.247.313.850	718.756.717.108	969.830.620.900
Cổ phiếu chưa niêm yết (**)	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000
Cổ phiếu hủy niêm yết	2.885.800	-	2.885.800	-
Trái phiếu chưa niêm yết	138.252.786.465	138.252.786.465	92.400.000.000	92.400.000.000
	819.125.309.868	1.035.480.100.315	867.139.602.908	1.118.210.620.900

(*) Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được xác định căn cứ giá trị thị trường tại ngày 30/06/2022.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	30.310.000.000	30.310.000.000	-	-
	30.310.000.000	30.310.000.000	-	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên	105.000.000.000	-
	105.000.000.000	-

Tại ngày 30/06/2022, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) là tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị 105.000.000.000 đồng được gửi tại các ngân hàng với lãi suất từ 4,9%/năm đến 6,2%/năm.

d) Các khoản cho vay

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Hoạt động margin	974.837.442.683	1.641.209.500.098
Hoạt động ứng trước tiền bán	22.205.702.779	120.944.305.054
	997.043.145.462	1.762.153.805.152

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

e) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	819.125.309.868	867.139.602.908	1.035.480.100.315	1.118.210.620.900	233.025.469.384	257.737.995.820	(16.670.678.937)	(6.666.977.828)	1.035.480.100.315	1.118.210.620.900
Cổ phiếu niêm yết	624.889.637.603	718.756.717.108	841.247.313.850	969.830.620.900	233.025.469.384	257.737.995.820	(16.667.793.137)	(6.664.092.028)	841.247.313.850	969.830.620.900
NVIB	273.365.338.544	249.456.332.300	465.766.783.200	308.062.861.700	192.401.444.656	58.606.529.400	-	-	465.766.783.200	308.062.861.700
ACB	221.254.261.216	239.856.071.100	211.175.040.000	264.858.121.500	-	25.002.050.400	(10.079.221.216)	-	211.175.040.000	264.858.121.500
OCG	72.270.037.140	37.140	67.480.072.300	68.400	-	31.260	(4.789.964.840)	-	67.480.072.300	68.400
VHM	23.717.832.915	47.605.673.632	22.980.042.900	41.118.654.000	-	-	(737.790.015)	(6.487.019.632)	22.980.042.900	41.118.654.000
LPB	1.511.019	22.473.025.500	1.044.000	22.300.089.200	-	-	(467.019)	(172.936.300)	1.044.000	22.300.089.200
HPG	9.929.358.953	1.415.400	9.087.183.100	1.299.200	-	-	(842.175.853)	(116.200)	9.087.183.100	1.299.200
VIT	-	34.211.912.000	-	60.603.958.400	-	26.392.046.400	-	-	-	60.603.958.400
FPT	8.645.894.976	866.700	8.622.844.600	930.000	-	63.300	(23.050.376)	-	8.622.844.600	930.000
GMA	5.000.000.000	5.000.000.000	45.000.000.000	54.900.000.000	40.000.000.000	49.900.000.000	-	-	45.000.000.000	54.900.000.000
IDC	-	120.000.000.000	-	217.800.000.000	-	97.800.000.000	-	-	-	217.800.000.000
VIB	4.112.500.000	-	4.515.000.000	-	402.500.000	-	-	-	4.515.000.000	-
SSI	2.780.669.887	800.430	2.633.240.800	1.554.000	-	753.570	(147.429.087)	-	2.633.240.800	1.554.000
MSB	1.921.926.234	292.600	2.040.306.000	406.000	118.379.766	113.400	-	-	2.040.306.000	406.000
PVT	925.932.120	149.334	1.010.828.200	192.800	84.896.080	43.466	-	-	1.010.828.200	192.800
VTC	761.962.530	23.111.700	766.972.500	25.011.300	5.009.970	1.899.600	-	(4.019.896)	766.972.500	25.011.300
Cổ phiếu lẻ	202.412.069	127.029.272	167.956.250	157.474.400	13.238.912	34.465.024	(47.694.731)	-	167.956.250	157.474.400
Cổ phiếu hủy niêm yết	2.885.800	2.885.800	-	-	-	-	(2.885.800)	(2.885.800)	-	-
Cổ phiếu lẻ	2.885.800	2.885.800	-	-	-	-	(2.885.800)	(2.885.800)	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	-	-	-	-	55.980.000.000	55.980.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giải trí Việt Media (*)	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	-	-	-	-	55.980.000.000	55.980.000.000
Trái phiếu	138.252.786.465	92.400.000.000	138.252.786.465	92.400.000.000	-	-	-	-	138.252.786.465	92.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2	700.000.000	92.400.000.000	700.000.000	92.400.000.000	-	-	-	-	700.000.000	92.400.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	15.952.786.465	-	15.952.786.465	-	-	-	-	-	15.952.786.465	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	121.600.000.000	-	121.600.000.000	-	-	-	-	-	121.600.000.000	-
AFS	30.310.000.000	-	30.310.000.000	-	-	-	-	-	30.310.000.000	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	30.310.000.000	-	30.310.000.000	-	-	-	-	-	30.310.000.000	-
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh (*)	30.310.000.000	-	30.310.000.000	-	-	-	-	-	30.310.000.000	-
Tổng cộng	849.435.309.868	867.139.602.908	1.065.790.100.315	1.118.210.620.900	233.025.469.384	257.737.995.820	(16.670.678.937)	(6.666.977.828)	1.065.790.100.315	1.118.210.620.900

Ghi chú:

Nguyên tắc tính và cơ sở tham chiếu để xác định giá trị thị trường: Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy niêm yết thì giá trị thị trường Công ty thận trọng xác định bằng 0.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết và trái phiếu chưa niêm yết do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị thị trường. Theo đó giá trị thị trường được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2 (mã trái phiếu VC2H2122001) có kỳ hạn 12 tháng (27/10/2021 - 27/10/2022); số lượng: 07 trái phiếu; mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu; lãi suất cố định cho toàn bộ kỳ hạn 36 tháng của trái phiếu là 11,50%/năm.

Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2 (mã trái phiếu VC2H2122001) có kỳ hạn 12 tháng (27/10/2021 - 27/10/2022); số lượng: 07 trái phiếu; mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu; lãi suất cố định cho toàn bộ kỳ hạn 36 tháng của trái phiếu là 11,50%/năm.

Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2 (mã trái phiếu VC2H2122001) có kỳ hạn 12 tháng (27/10/2021 - 27/10/2022); số lượng: 07 trái phiếu; mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu; lãi suất cố định cho toàn bộ kỳ hạn 36 tháng của trái phiếu là 11,50%/năm.

6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THỂ CHẤP

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Tại ngày 01/01	3.620.505.372	9.326.368.892
Trích lập/hoàn nhập dự phòng	3.761.269.550	(2.303.750.411)
Tại ngày 30/06	7.381.774.922	7.022.618.481

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	114.959.015.198	27.370.000.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	7.021.691.366	434.189.589
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	804.084.358	33.355.040.000
- Phải thu các dịch vụ khác	804.084.358	33.355.040.000
Phải thu khác	7.329.333.650	13.300.000.000
	130.114.124.572	74.459.229.589

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Tại ngày 01/01	24.000.000	-
Tại ngày 30/06	24.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	66.662.712	70.805.349
Chi phí thuê văn phòng	2.041.223.895	225.929.000
Chi phí bảo trì phần mềm	41.162.234	114.106.161
Chi phí thuê đường truyền	145.306.365	164.783.729
Chi phí bảo hiểm sức khỏe	-	169.265.375
Chi phí hỗ trợ kinh doanh trái phiếu	3.718.705.226	10.433.457.911
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.004.804.717	245.244.847
	7.017.865.149	11.423.592.372

b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.637.622.415	1.788.904.515
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.706.540.752	128.882.426
	7.344.163.167	1.917.786.941

10 . CẦM CỔ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC**a) Ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Đặt cọc thuê xe ô tô	33.000.000	33.000.000
Đặt cọc thuê cây xanh	3.000.000	-
	36.000.000	33.000.000

b) Dài hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	1.328.777.308	1.220.519.108
Cầm cổ, thẻ chấp, ký quỹ, ký cược khác	15.300.000	300.000
	1.344.077.308	1.220.819.108

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2022	18.320.436.631	9.528.784.300	222.812.000	544.995.977	28.617.028.908
Mua trong kỳ	364.430.600	1.499.785.636	-	-	1.864.216.236
Thanh lý, nhượng bán	(305.985.985)	(778.860.000)	(188.012.000)	(176.321.200)	(1.449.179.185)
Tại ngày 30/06/2022	18.378.881.246	10.249.709.936	34.800.000	368.674.777	29.032.065.959
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2022	15.868.024.171	2.132.639.198	222.812.000	544.995.977	18.768.471.346
Khấu hao trong kỳ	581.783.200	386.743.196	-	-	968.526.396
Thanh lý, nhượng bán	(305.985.985)	(778.860.000)	(188.012.000)	(176.321.200)	(1.449.179.185)
Tại ngày 30/06/2022	16.143.821.386	1.740.522.394	34.800.000	368.674.777	18.287.818.557
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2022	2.452.412.460	7.396.145.102	-	-	9.848.557.562
Tại ngày 30/06/2022	2.235.059.860	8.509.187.542	-	-	10.744.247.402

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.832.513.525 đồng

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định hữu hình này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Tài sản vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2022	9.323.428.889	4.750.289.608	14.073.718.497
Mua trong kỳ	9.906.230.000	-	9.906.230.000
Tại ngày 30/06/2022	19.229.658.889	4.750.289.608	23.979.948.497
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2022	5.844.752.811	4.750.289.608	10.595.042.419
Khấu hao trong kỳ	660.647.270	-	660.647.270
Tại ngày 30/06/2022	6.505.400.081	4.750.289.608	11.255.689.689
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	3.478.676.078	-	3.478.676.078
Tại ngày 30/06/2022	12.724.258.808	-	12.724.258.808

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.076.718.497 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	14.098.963.392	12.939.704.599
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	5.781.036.608	4.744.647.910
Số dư cuối kỳ	20.000.000.000	17.804.352.509

14 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2022 VND	Số vay trong kỳ VND	Số trả trong kỳ VND	30/06/2022 VND
Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Hà Nội ⁽¹⁾	120.000.000.000	170.054.827.992	(155.095.726.975)	134.959.101.017
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 ⁽²⁾	-	100.000.000.000	(50.000.000.000)	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ⁽³⁾	-	45.000.000.000	-	45.000.000.000
	120.000.000.000	315.054.827.992	(205.095.726.975)	229.959.101.017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

- (1) Hợp đồng hạn mức thấu chi số 015/21/HĐHMTTC-9213 ngày 28 tháng 12 năm 2021 và phụ lục hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 01/PLHĐHMTD/015/21/HĐHMTD - 9213 ngày 29 tháng 03 năm 2022, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức thấu chi tài khoản: 200.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thiếu hụt tạm thời để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp; bổ sung vốn hoạt động kinh doanh ngắn hạn (ứng trước tiền bán chứng khoán, cho vay margin chứng khoán, các chi phí bổ sung vốn lưu động khác phù hợp với hoạt động kinh doanh); Hạn mức thấu chi không được sử dụng để phục vụ hoạt động đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu của Tổ chức tín dụng;
 - + Thời hạn hạn mức thấu chi: từ ngày 28/12/2021 đến ngày 28/12/2022;
 - + Lãi suất cho vay: 10,7%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được bảo đảm bằng các Hợp đồng cầm cố chứng khoán niêm yết và giấy tờ có giá giữa NCB với bên thứ ba và giữa NCB với Công ty.
- (2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/1504288/HĐTDHM ngày 25 tháng 04 năm 2022, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: phục vụ hoạt động đầu tư, kinh doanh Trái phiếu chính phủ, Trái phiếu được chính phủ bảo lãnh phát hành, giấy tờ có giá và chứng khoán khác (không bao gồm Trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu);
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng hạn mức;
 - + Lãi suất cho vay: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được bảo đảm bằng các khoản tiền gửi tại Ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác, Hợp đồng tiền gửi số 146/2021/48155 ngày 05/01/2022 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội.
- (3) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2021/VCBTX - EVS ngày 05/11/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 300.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: đầu tư kinh doanh Chứng chỉ tiền gửi;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực;
 - + Lãi suất cho vay: được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trên từng Giấy nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được bảo đảm bằng các khoản tiền gửi tại Vietcombank và các tổ chức tín dụng khác của Công ty.

15 . TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH NGẮN HẠN

	01/01/2022	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
Tổ chức	950.000.000	-	100.000.000	850.000.000
Cá nhân	907.340.000.000	386.826.671.233	942.116.671.233	352.050.000.000
Phải trả về chi phí phát hành trái phiếu	832.181.582	4.413.162.492	5.096.411.393	148.932.681
	909.122.181.582	391.239.833.725	947.313.082.626	353.048.932.681

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Thông tin chi tiết về các khoản trái phiếu phát hành:

Trái phiếu phát hành lần 3 năm 2021:

- + Mã trái phiếu: EVSH2123003;
- + Khối lượng phát hành: 30.000 trái phiếu;
- + Ngày phát hành: 19/04/2021;
- + Ngày đáo hạn: 19/04/2023;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
- + Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng;
- + Mệnh giá: 10.000.000 VND/trái phiếu;
- + Hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ;
- + Lãi suất trái phiếu: 10%/năm;
- + Khối lượng trái phiếu lưu hành tại ngày 30/06/2022: 60 trái phiếu tương ứng với giá trị 600 triệu đồng.

Trái phiếu phát hành lần 4 năm 2021:

- + Mã trái phiếu: EVSH2123004;
- + Khối lượng phát hành: 30.000 trái phiếu;
- + Ngày phát hành: 20/07/2021;
- + Ngày đáo hạn: 20/07/2023;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
- + Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng;
- + Mệnh giá: 10.000.000 VND/trái phiếu;
- + Hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ;
- + Lãi suất trái phiếu: 9,5%/năm;
- + Khối lượng trái phiếu lưu hành tại ngày 30/06/2022: 7.616 trái phiếu tương ứng với giá trị 76,16 tỷ đồng.

Trái phiếu phát hành lần 5 năm 2021:

- + Mã trái phiếu: EVSH2124005;
- + Khối lượng phát hành: 30.000 trái phiếu;
- + Ngày phát hành: 06/09/2021;
- + Ngày đáo hạn: 06/09/2024;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
- + Kỳ hạn trái phiếu: 36 tháng;
- + Mệnh giá: 10.000.000 VND/trái phiếu;
- + Hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ;
- + Lãi suất trái phiếu: 9,5%/năm;
- + Khối lượng trái phiếu lưu hành tại ngày 30/06/2022: 30 trái phiếu tương ứng với giá trị 300 triệu đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
 Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Trái phiếu phát hành lần 6 năm 2021:

- + Mã trái phiếu: EVSH2123006;
- + Khối lượng phát hành: 30.000 trái phiếu;
- + Ngày phát hành: 25/10/2021;
- + Ngày đáo hạn: 25/10/2023;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
- + Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng;
- + Mệnh giá: 10.000.000 VND/trái phiếu;
- + Hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ;
- + Lãi suất trái phiếu: 9,5%/năm;
- + Khối lượng trái phiếu lưu hành tại ngày 30/06/2022: 6.628 trái phiếu tương ứng với giá trị 66,28 tỷ đồng.

Trái phiếu phát hành lần 7 năm 2021:

- + Mã trái phiếu: EVSH2123007;
- + Khối lượng phát hành: 50.000 trái phiếu;
- + Ngày phát hành: 31/12/2021;
- + Ngày đáo hạn: 31/12/2023;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
- + Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng;
- + Mệnh giá: 10.000.000 VND/trái phiếu;
- + Hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ;
- + Lãi suất trái phiếu: 9,5%/năm;
- + Khối lượng trái phiếu lưu hành tại ngày 30/06/2022: 8.226 trái phiếu tương ứng với giá trị 82,26 tỷ đồng.

Trái phiếu phát hành lần 1 năm 2022:

- + Mã trái phiếu: EVSH2224001;
- + Khối lượng phát hành: 50.000 trái phiếu;
- + Ngày phát hành: 31/03/2022;
- + Ngày đáo hạn: 31/03/2024;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
- + Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng;
- + Mệnh giá: 10.000.000 VND/trái phiếu;
- + Hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ;
- + Lãi suất trái phiếu: 10,0%/năm;
- + Khối lượng trái phiếu lưu hành tại ngày 30/06/2022: 12.730 trái phiếu tương ứng với giá trị 127,3 tỷ đồng.

16 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	1.075.185.927	3.447.573.087
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	215.539.927	285.000.000
	1.290.725.854	3.732.573.087

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần PAC Quốc tế	-	27.370.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Hà Nội	20.616.690.425	33.285.407.124
Công ty Cổ phần Giải pháp phần mềm tài chính	5.347.230.000	3.956.000.000
Phải trả các đối tượng khác	4.271.628.027	1.318.859.167
	30.235.548.452	65.930.266.291

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	37.340.909	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.609.784.522	14.868.238.244
Thuế Thu nhập cá nhân	5.101.960.869	9.478.387.092
Các loại thuế khác	-	40.806.165
	11.749.086.300	24.387.431.501

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	11.514.917.910	33.656.300.867
Phải trả lương, thưởng kinh doanh	20.784.018.229	15.201.896.994
Thù lao Hội đồng quản trị	634.500.000	469.875.000
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	870.178.469	562.370.243
	33.803.614.608	49.890.443.104

20 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	30.390.684	30.390.684
Thu hộ tiền đầu tư phải trả cho nhà đầu tư	723.262.050	723.262.050
Tiền đặt cọc, phí cơ hội và lãi phải trả tiền đặt cọc hợp đồng cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán	5.003.484.932	17.592.219.178
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	-	100.027.397.260
Các khoản phải trả, phải nộp khác	594.375.881	54.005.863
	6.351.513.547	118.427.275.035

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

21 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	30/06/2022 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Fusion Suites Sài Gòn	19,42%	200.000.000.000	19,42%	200.000.000.000
Ông Vũ Mạnh Tiến	9,71%	100.000.000.000	9,71%	100.000.000.000
Vốn góp của cổ đông (dưới 5%)	70,87%	730.004.000.000	70,87%	730.004.000.000
	100%	1.030.004.000.000	100%	1.030.004.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	493.213.759.669	386.790.509.401
Lợi nhuận chưa thực hiện	171.139.032.553	198.912.014.589
	664.352.792.222	585.702.523.990

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	386.790.509.401	117.805.286.634
Lãi chưa thực hiện tính đến cuối kỳ kế toán	171.139.032.553	109.491.420.376
Lãi đã thực hiện kỳ này tính từ đầu kỳ	169.744.912.077	68.627.625.477
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối kỳ kế toán	556.535.421.478	186.432.912.111
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(63.321.661.809)	(2.500.000.000)
- Quỹ dự trữ điều lệ	(21.107.220.603)	-
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(21.107.220.603)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(21.107.220.603)	(2.500.000.000)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối kỳ kế toán	493.213.759.669	183.932.912.111

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021	100,00%	422.144.412.069
Trích Quỹ dự trữ điều lệ	5,00%	21.107.220.603
Trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5,00%	21.107.220.603
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	5,00%	21.107.220.603
Lợi nhuận chưa phân phối	85,00%	358.822.750.260

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.270.004.000.000	600.004.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	1.270.004.000.000	600.004.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	1.270.004.000.000	600.004.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

e) Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	103.000.400	103.000.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	103.000.400	103.000.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	103.000.400	103.000.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	103.000.400	103.000.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	103.000.400	103.000.400
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	301.985.870.000	242.836.320.000
	301.985.870.000	242.836.320.000

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.530.000	1.530.000
	1.530.000	1.530.000

24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Công ty	500.000.000	-
	500.000.000	-

25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	186.130.270.000	131.400.020.000
	186.130.270.000	131.400.020.000

26 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	5.296.637.310.000	5.678.166.795.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	1.151.732.030.000	667.281.580.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	467.471.630.000	320.665.450.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	1.529.890.000	530.890.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	48.196.000.000	179.311.500.000
	6.965.566.860.000	6.845.956.215.000

27 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	18.002.520.000	18.002.520.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	150.000.000	150.000.000
	18.152.520.000	18.152.520.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

28 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	85.694.010.000	146.775.480.000
	85.694.010.000	146.775.480.000

29 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	175.868.953.454	224.750.899.807
1. Nhà đầu tư trong nước	175.830.557.161	223.558.939.111
2. Nhà đầu tư nước ngoài	38.396.293	1.191.960.696
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	137.303.799.500	225.289.162.200
1. Nhà đầu tư trong nước	137.303.799.500	225.289.162.200
Tiền gửi của tổ chức phát hành	8.412.660	52.432.694.600
1. Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh đại lý phát hành	8.412.660	52.432.694.600
	313.181.165.614	502.472.756.607

30 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	175.868.953.454	224.750.899.807
1.1 Nhà đầu tư trong nước	175.830.557.163	223.558.939.111
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	38.396.291	1.191.960.696
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	137.303.799.500	225.289.162.200
2.1 Nhà đầu tư trong nước	137.303.799.500	225.289.162.200
	313.172.752.954	450.040.062.007

31 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	8.412.660	92.694.600
	8.412.660	92.694.600

32 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	974.837.442.683	1.641.209.500.098
1.1 Phải trả gốc margin	974.837.442.683	1.641.209.500.098
Nhà đầu tư trong nước	974.837.442.683	1.641.209.500.098
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	22.205.702.779	120.944.305.054
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	22.205.702.779	120.944.305.054
Nhà đầu tư trong nước	22.205.702.779	120.944.305.054
	997.043.145.462	1.762.153.805.152

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

33 . THU NHẬP

a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước	
			Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
			VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	864.099.319.700	768.708.190.502	131.006.203.522	35.615.074.324	31.204.653.900	3.569.435.400
Trái phiếu niêm yết	991.095.221.786	990.205.060.395	890.161.391	-	394.561.007	2.445.191.555
Trái phiếu chưa niêm yết	5.943.467.645.087	5.923.143.373.704	25.262.171.383	4.937.900.000	1.700.788.441	-
Chứng chỉ tiền gửi	667.212.462.155	667.092.477.670	131.696.815	11.712.330	-	-
	8.465.874.648.728	8.349.149.102.271	157.290.233.111	40.564.686.654	33.300.003.348	6.014.626.955

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

b) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30/06/2022		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2022		Chênh lệch điều chỉnh số kế toán	
		Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm
VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	763.145.309.868	979.500.100.315	233.025.469.384	(16.670.678.937)	257.737.995.820	150.260.641.226	(184.976.868.771)
Cổ phiếu niêm yết	624.889.637.603	841.247.313.850	233.025.469.384	(16.667.793.137)	257.737.995.820	150.260.641.226	(184.976.868.771)
Cổ phiếu hủy niêm yết	2.885.800	-	-	(2.885.800)	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	138.252.786.465	138.252.786.465	-	-	-	-	-
AFS	30.310.000.000	30.310.000.000	-	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	30.310.000.000	30.310.000.000	-	-	-	-	-
	793.455.309.868	1.009.810.100.315	233.025.469.384	(16.670.678.937)	257.737.995.820	150.260.641.226	(184.976.868.771)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
 Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	24.066.235.598	6.812.128.857
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	1.624.657.535	-
Từ các khoản cho vay	83.876.947.740	38.305.300.575
	109.567.840.873	45.117.429.432

d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	9.111.897.623	12.143.394.429
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu từ lãi hợp đồng ủy thác đầu tư	9.111.897.623	12.143.394.429
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	9.111.897.623	12.143.394.429

34 . CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	7.488.439.825	2.533.876.299
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	7.488.439.825	2.509.876.299
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	-	24.000.000
	7.488.439.825	2.533.876.299

35 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	1.825.704.416	1.585.500.394
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.469.524.899	-
	5.295.229.315	1.585.500.394

36 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	35.695.833.932	14.932.225.761
	35.695.833.932	14.932.225.761

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

37 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	18.743.335.706	6.714.079.364
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	427.613.850	391.227.855
Chi phí công cụ, dụng cụ	481.201.569	417.669.784
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	813.516.146	429.747.102
Chi phí thuế, phí và lệ phí	6.000.000	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.759.747.188	3.598.254.218
Chi phí khác	5.000.000	-
	26.236.414.459	11.556.978.323

38 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	229.090.909	-
Các khoản khác	17.136.364	-
	246.227.273	-

39 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**39.1 . Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	177.212.512.298	221.270.700.513
Các khoản điều chỉnh tăng	188.964.139.528	20.289.212.640
- Chi phí không hợp lệ	226.001.207	-
- Trích lập dự phòng tổn thất các khoản phải thu khó đòi	3.761.269.550	24.000.000
- Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính	184.976.868.771	20.265.212.640
Các khoản điều chỉnh giảm	(155.257.512.998)	(162.665.915.321)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(4.996.871.772)	(3.232.676.800)
- Hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản phải thu khó đòi	-	(2.303.750.411)
- Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính	(150.260.641.226)	(157.129.488.110)
Thu nhập chịu thuế TNDN	210.919.138.828	78.893.997.832
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	42.183.827.766	15.778.799.566
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	14.868.238.244	65.751.568
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(50.442.281.488)	(3.872.796.497)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	6.609.784.522	11.971.754.637
	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND

39.2 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	(6.943.245.509)	37.664.797.326
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các kỳ trước	50.214.203.598	12.549.406.272
	43.270.958.089	50.214.203.598

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
39.3 Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(6.943.245.509)	27.372.855.094
	(6.943.245.509)	27.372.855.094

41 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	141.971.930.041	178.119.045.853
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	141.971.930.041	178.119.045.853
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	103.000.400	60.000.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.378	2.969

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

42 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc/ Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc/ Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tiền	352.574.439.989	-	205.112.252.808	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.035.480.100.315	-	1.118.210.620.900	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	105.000.000.000	-	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	30.310.000.000	-	-	-
Các khoản cho vay	997.043.145.462	(7.381.774.922)	1.762.153.805.152	(3.620.505.372)
Các khoản phải thu	130.114.124.572	(24.000.000)	74.459.229.589	(24.000.000)
	2.650.521.810.338	(7.405.774.922)	3.159.935.908.449	(3.644.505.372)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Vay và nợ	583.008.033.698	1.029.122.181.582
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	37.877.787.853	188.090.114.413
Chi phí phải trả	33.803.614.608	49.890.443.104
	654.689.436.159	1.267.102.739.099

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu và trái phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2022				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.035.480.100.315	-	-	1.035.480.100.315
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	30.310.000.000	-	-	30.310.000.000
	1.065.790.100.315	-	-	1.065.790.100.315
Tại ngày 01/01/2022				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.118.210.620.900	-	-	1.118.210.620.900
	1.118.210.620.900	-	-	1.118.210.620.900

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2022				
Tiền	352.574.439.989	-	-	352.574.439.989
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	105.000.000.000	-	-	105.000.000.000
Các khoản cho vay	989.661.370.540	-	-	989.661.370.540
Các khoản phải thu	130.090.124.572	-	-	130.090.124.572
	1.577.325.935.101	-	-	1.577.325.935.101
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền	205.112.252.808	-	-	205.112.252.808
Các khoản cho vay	1.758.533.299.780	-	-	1.758.533.299.780
Các khoản phải thu	74.435.229.589	-	-	74.435.229.589
	2.038.080.782.177	-	-	2.038.080.782.177

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Vay và nợ	583.008.033.698	-	-	583.008.033.698
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	37.877.787.853	-	-	37.877.787.853
Chi phí phải trả	33.803.614.608	-	-	33.803.614.608
	<u>654.689.436.159</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>654.689.436.159</u>
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	1.029.122.181.582	-	-	1.029.122.181.582
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	188.090.114.413	-	-	188.090.114.413
Chi phí phải trả	49.890.443.104	-	-	49.890.443.104
	<u>1.267.102.739.099</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.267.102.739.099</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

43 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
: toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

44 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	Hoạt động cho vay và ứng trước tiền bán	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	52.556.908.539	331.617.109.935	168.059.060.000	83.876.947.740	14.345.418.795	650.455.445.009
Doanh thu tài chính		3.469.524.899				3.469.524.899
Chi phí hoạt động	52.846.997.281	228.445.256.421	123.113.835.027	3.761.269.550	8.681.627.523	416.848.985.802
Doanh thu không phân bổ						1.825.704.416
Chi phí không phân bổ						61.932.248.391
Kết quả hoạt động	(290.088.742)	103.171.853.514	44.945.224.973	80.115.678.190	5.663.791.272	176.969.440.131
Tài sản bộ phận trực tiếp	505.334.358	1.292.770.778.629	5.938.600.125	989.661.370.540	298.750.000	2.289.174.833.652
Tài sản không phân bổ						430.984.280.329
Tổng tài sản	505.334.358	1.292.770.778.629	5.938.600.125	989.661.370.540	298.750.000	2.720.159.113.981
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	7.798.715.711	1.711.000.000	20.616.690.425	-	709.050.198	30.835.456.334
Nợ phải trả không phân bổ						700.752.424.219
Tổng nợ phải trả	7.798.715.711	1.711.000.000	20.616.690.425	-	709.050.198	731.587.880.553

Theo khu vực địa lý

Do toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

45 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam	Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị là ông Nguyễn Hải Châu cho tới ngày 15/04/2022
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Thành viên Hội đồng quản trị công ty này; Ông Vũ Mạnh Tiến - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty từng là Tổng Giám đốc và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty này trong giai đoạn từ năm 2020 đến tháng 6/2021

Các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>06 tháng đầu năm 2022</u>	<u>06 tháng đầu năm 2021</u>
	VND	VND
Nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu NVB		
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	5.128.311.520	-
Doanh thu		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản	-	6.200.000.000
Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam	-	77.000.000
Mua dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản	-	1.062.481.503

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Bà Ngô Thị Thu Hương	13.980.730	-
Ông Nguyễn Thành Chung	16.792.465	-
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Ông Nguyễn Hải Châu	351.000.000	343.875.000
Bà Đỗ Thị Hồng Hải	72.000.000	18.000.000
Bà Vũ Hải Anh	72.000.000	18.000.000
Ông Vũ Mạnh Tiến	72.000.000	67.500.000
Ông Nguyễn Thành Chung	67.500.000	22.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Thu nhập của Phó Tổng Giám đốc	1.588.790.400	970.481.463
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	3.567.735.800	1.510.335.675

46 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Bùi Thị Yên
Người lập

Nguyễn Thị Bích Hằng
Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2022

